

I. TÌNH HÌNH THẤT NGHIỆP

Tháng giêng 1996, Tổ chức lao động quốc tế (ILO) trong báo cáo nhan đề: "Việt Nam, những vấn đề lao động và xã hội trong một nền kinh tế chuyển tiếp" đã đưa ra nhận xét tổng quát: "VN có thể là một nước đang phát triển nhanh nhất nhưng vẫn còn là một trong những nước nghèo nhất. Vấn đề là sự gia tăng đội quân những người không kiếm được việc làm. Tỷ lệ việc làm được tạo ra ở VN hiện nay là 2,5%, trong khi sự gia tăng của lực lượng lao động ở các gia giàu tiềm năng nhân lực này là 3% tính chung toàn quốc và tới 5% tại các đô thị. Nếu tình hình trên kéo dài, chậm được khắc phục sẽ tạo ra hậu quả tiêu cực về kinh tế và xã hội".

Theo kết quả của tổng điều tra dân số năm 1989 thì số người thất nghiệp là 1,35 triệu người trên 32,4 triệu lao động (4,2%). Năm 1991, trong số 33 triệu người lao động thì có 2 triệu người thất nghiệp, tỷ lệ là 6%; năm 1992 thất nghiệp 2,2 triệu, năm 1993 là 7,37%; năm 1994 là 6,08%. Năm 1995, có 2,4 triệu lao động thất nghiệp, chiếm 7% lực lượng lao động trong đó có 70% là thanh niên; năm 1996 thất nghiệp 5,8%; năm 1997 thất nghiệp 6% (xem minh họa dưới đây).

ng nghiệp luôn ở mức hai con số (khoảng 6 triệu). Ở các doanh nghiệp luôn có khoảng 60 vạn người thường xuyên thiếu việc. Trong vòng năm năm tới sẽ có khoảng 6,5 triệu việc làm mới ở VN, nhưng đồng thời sẽ có khoảng 8,5 triệu người thất nghiệp. Tại các vùng đô thị tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng gia tăng (1996: 5,88%, 1997: 6,01%), đặc biệt, tỷ lệ thất nghiệp khá cao ở các thành phố lớn: Hà Nội: 8,56%; TPHCM: 6,13%.

Số người thất nghiệp và thiếu việc làm ở nông thôn cũng rất cao

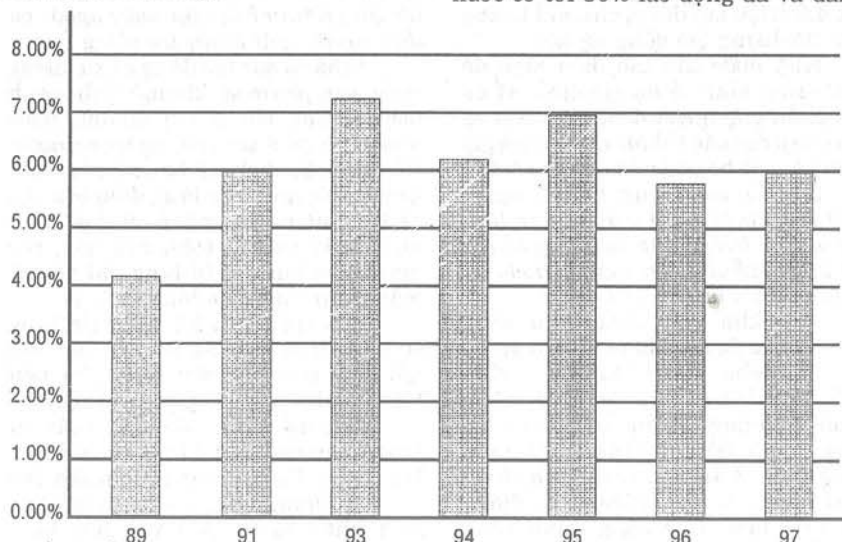
mất việc làm khá phổ biến.

TPHCM phải chịu sức ép về giải quyết việc làm do quá trình đô thị hóa nhanh ở ngoại thành, việc đổi mới kỹ thuật công nghệ và dân nhập cư các tỉnh đổ về. Năm 1995, trong số 1,2 triệu lao động của TPHCM, có đến 225.000 người trong độ tuổi lao động không có việc làm, chiếm 8,4% tổng số người lao động trong số này có 150.000 lao động trẻ, và mỗi năm phát sinh thêm 100.000 lao động trẻ khác cần việc làm. Năm 1996 thì giảm còn 7,79% với 216.000 người

TÌNH HÌNH THẤT NGHIỆP VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TRẦN THANH DŨNG

(27,65%), thất nghiệp ở đồng bằng sông Hồng là 7,27%; ở ĐBSCL: 4,56%. Trong các doanh nghiệp nhà nước có tới 30% lao động đã và đang



NGUỒN SỐ LIỆU: Niên giám thống kê 1994, 1995, 1996, 1997 và các nguồn chính thức khác của Nhà nước.

Theo các nhà kinh tế, đây là mức thất nghiệp cao, trong khoảng 4% - 9%. Tỷ lệ thất nghiệp và bán thất

không có hoặc thiếu việc làm. Tại các xí nghiệp liên doanh, xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, tình trạng công nhân

thất nghiệp (tính luôn số bán thất nghiệp thì là 11%) nhờ phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, tổ chức đào tạo lại và phổ cập nghề nghiệp giúp người lao động tự tìm việc làm, khai thác các nguồn tín dụng ưu đãi. Cuối năm 1997, tỷ trọng lao động chưa có việc làm là 6,16% (140.000 người).

Thất nghiệp vô hình là biểu hiện chính của tình trạng chưa sử dụng hết sức lao động ở các nước đang phát triển, trong đó có

Việt Nam. Dân số nông nghiệp nước ta là 48 triệu / 71 triệu người, trong số đó có 23,4 triệu lao động. Số người chưa có việc làm là trên một triệu người, số người không đủ việc làm thường xuyên trên 5 triệu người. Số người không đủ việc làm chủ yếu là do tình trạng nông nhàn khi mùa vụ kết thúc. Thời gian lao động thực sự trong năm của người nông dân chỉ trên dưới 150 ngày. Thu nhập bình quân đầu người dưới 100.000 đ / tháng. Một số lượng đáng kể người lao động có việc làm trong khu vực nông thôn hoặc khu vực thành thị không chính thức nhưng làm việc với năng suất rất thấp và không hết thời gian lao động.

Ngoài ra, ở nước ta hiện nay, có cả thất nghiệp tạm thời, tự nguyện. Đây là loại thất nghiệp trong thời gian thay đổi nghề nghiệp, nơi làm việc do muốn tìm việc làm mới tốt hơn.

Nguyên nhân của thất nghiệp ở Việt Nam là do cơ cấu kinh tế lẫn cơ chế kinh tế do thiếu vốn đầu tư lẫn thiếu sự đa dạng các tổ chức kinh doanh. Trong một thời kỳ dài, Việt

Nam chưa thấy được vai trò của thành phần kinh tế tư nhân và cá thể đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Từ đó các thành phần kinh tế này bị bó hẹp, còn thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể ngày càng sút kém. Việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp đã làm cho nền kinh tế không tăng trưởng được, việc làm và thu nhập không được gia tăng. Từ đó, nhu cầu sức lao động thấp hơn mức cung một cách đáng kể, gây nên sự lãng phí các nguồn nhân lực, kể cả nguồn nhân lực có học vấn ở đô thị.

Hàng năm có thêm 1,1 triệu học sinh đến tuổi lao động mà chưa được chuẩn bị khả năng nghề nghiệp và chỉ có 30% học sinh tiếp tục học lên.

Như vậy tình hình cung - cầu sức lao động ở VN là thừa lao động giản đơn, phổ thông; thiếu lao động kỹ thuật, thiếu gay gắt lao động có tay nghề cao nhất là ở những ngành nghề cơ khí, tin học, điện, hóa chất; lao động quản lý, lao động kỹ thuật có kiến thức quản lý.

Nhìn chung, số có việc làm ổn định thuộc về lao động trẻ có tay nghề cao, đại học, trung cấp; trong đó tay nghề trung cấp chiếm tỷ lệ tuyệt đối, cho thấy xã hội rất cần tay nghề loại này, được đào tạo chính quy, bài bản.

II. CÁC GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM

Đại hội 8 Đảng CSVN đã đề ra từ nay đến năm 2000 là: Mỗi năm thu hút thêm 1,3 - 1,4 triệu lao động có chỗ làm việc. Giảm tỷ lệ thất nghiệp, chưa có việc làm xuống dưới 5% và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 75%.

Tuy nhiên, cần phải tính đến hiệu quả, cần phải cân nhắc cái giá mà xã hội phải trả cho việc tạo việc làm. Xin đề nghị một số giải pháp tổng hợp như sau:

1. *Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, thu hút đầu tư nước ngoài, khuyến khích đầu tư trong nước nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tạo việc làm trực tiếp và gián tiếp cho xã hội.*

Bảo đảm cho mọi người, mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt hình thức sở hữu được tự do kinh doanh theo pháp luật, trong môi trường bình đẳng. Nhà nước cần hướng dẫn, hỗ trợ cho mọi nỗ lực đầu tư phát triển. Cần vận dụng phương thức nhà nước và nhân dân cùng đầu tư. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích mọi tổ chức cá nhân bỏ vốn đầu tư: ưu đãi về thuế, về vốn vay...

Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ngày càng có vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm. Điều này là rất quan trọng trong khi khu vực kinh tế quốc doanh củng cố sắp xếp lại nhằm đạt hiệu quả kinh tế, tạm thời giảm bớt sử dụng lao

động.

Sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần nước ta đang và sẽ tạo ra nhiều cơ hội mưu sinh cho người lao động. Cần khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động tự tạo việc làm. Cần trợ vốn cho thanh niên, mở rộng tín dụng cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất, cho người nghèo vay vốn mưu sinh lập nghiệp, khuyến khích dự án nhỏ với mức vay - thời hạn vay và lãi suất nhẹ. Sử dụng có kết quả Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm (với tổng dự toán 4.800 tỷ đồng để giải quyết việc làm từ 1997 - 2000), có ý nghĩa hơn là quỹ trợ cấp thất nghiệp. Đây là chính sách hữu hiệu, khả thi, thực sự mang lại điều kiện cho người nghèo để họ tự kiếm sống bằng sức lao động của chính họ và có thể tạo việc làm cho người khác. Cần tiếp tục thực hiện mô hình tổ giảm nghèo, giúp người lao động nghèo tương trợ nhau, khắc phục tình trạng mất vốn và sử dụng vốn đúng mục đích.

Nhà nước cần khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông lâm hải sản, nhằm tạo nhiều việc làm cho người lao động (một cơ sở sản xuất thu hút 10 lao động, một cơ sở kinh doanh thu hút 5, một cơ sở dịch vụ thu hút 3); ưu đãi cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, nhất là lao động nữ: được vay vốn ngân hàng, có môi trường pháp lý ổn định, được hỗ trợ về thông tin, được đào tạo quản lý kinh doanh. Hiện nay có 85% doanh nghiệp nhà nước, 97% doanh nghiệp ngoài quốc doanh là thuộc loại vừa và nhỏ. Doanh nghiệp vừa và nhỏ thu hút 4,5 triệu lao động, chiếm khoảng 15% lực lượng lao động xã hội.

Nhà nước cần tạo điều kiện để phát triển kinh tế hộ gia đình, vì nó góp phần giải quyết được việc làm và thu nhập cho các thành viên trong gia đình và một bộ phận lao động xã hội.

2. *Cần mở mang ngành nghề, phát triển mặt hàng mới, những lĩnh vực mới có triển vọng, sử dụng nhiều lao động, phát triển ngành dịch vụ để tạo việc làm cho xã hội.*

Các khu chế xuất, khu công nghiệp, các dự án đầu tư đã tạo nhiều việc làm cho người lao động. Nhà nước cần đầu tư xây dựng các công trình sử dụng nhiều lực lượng lao động thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn. Cần tìm cách kích thích hoạt động của thị trường xây dựng, tạo việc làm. Các công trình công chánh được thực hiện sẽ đưa đến kết quả là gia tăng tổng quát số nhân dụng nhiều hơn số công nhân được sử dụng trong công trình ấy, tạo việc làm gián tiếp qua tác động dây

chuyền. Tuy nhiên, cần phải chú ý đến khả năng cho phép của ngân sách quốc gia, nhu cầu của nền kinh tế, đến hiệu quả sử dụng vốn.

Cần phát triển mạnh ngành dịch vụ là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm quốc dân, theo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, có khả năng sử dụng nhân lực đa dạng, sử dụng nhiều lao động trẻ, đặc biệt là lao động nữ. Cần quan tâm hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nữ, chiếm 47% lao động cả nước; bảo vệ quyền lợi của lao động nữ trên thị trường sức lao động, vì lao động nữ thường chịu thiệt thòi hơn nam giới về cơ hội tham gia bình đẳng. Một điều quan trọng nữa là việc mở mang các ngành dịch vụ không đòi hỏi nhiều vốn đầu tư về cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị như ngành công nghiệp, mà chủ yếu sử dụng lao động sống.

Cần đầu tư phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, các ngành nghề thủ công truyền thống, dịch vụ ở các vùng nông thôn, vùng ven biển với ngành đánh bắt nuôi trồng thủy sản, một địa bàn bao la đầy tiềm năng nhưng chưa được khai thác đúng mức để thu hút lao động giản đơn. Xây dựng các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đa dạng hóa ngành nghề, cây trồng, vật nuôi, chuyển một số lao động trồng cây lương thực sang chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản, phát triển các cây có giá trị xuất khẩu, khắc phục tình trạng thiếu nông và độc canh trên hầu hết khu vực nông thôn của cả nước, khai thác tiềm năng lao động, đất đai, mặt nước và vốn liếng trong dân.

3. *Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại: phát triển ngoại thương, hợp tác đầu tư thu hút vốn nước ngoài và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.*

* Giá cả sức lao động có xu hướng tăng, sản phẩm sẽ không cạnh tranh được không chỉ ở thị trường nước ngoài mà cả ở thị trường trong nước. Bảo hộ mậu dịch để bảo vệ sản xuất trong nước, giữ việc làm, đảm bảo thu nhập, nhưng không thể cứ thực hiện mãi trước xu thế toàn cầu hóa, các nguồn lực kinh tế bị lãng phí xét về mặt phân công lao động quốc tế.

Một khi nhân lực được gia tăng sử dụng làm cho sản lượng tăng, đòi hỏi phải có thị trường tiêu thụ nên tất yếu phải mở rộng ngoại thương.

Cần mở rộng việc sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng dùng nhiều lao động. Khả năng tiếp nhận lao động ở những ngành sản xuất hàng xuất khẩu sẽ rất lớn với điều kiện phải đổi mới công nghệ thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trước mắt cần tạo điều kiện về vốn liếng, về thị trường để phát triển những ngành xuất khẩu sử dụng nhiều lao động như

may mặc, chế biến, thủ công mỹ nghệ...

* Cần tranh thủ các cơ hội đầu tư từ nước ngoài. Nhưng việc chuẩn bị các dự án mời gọi đầu tư phải trên cơ sở quy hoạch cơ cấu kinh tế hợp lý, tránh trường hợp làm thiệt hại sản xuất trong nước. Cần khuyến khích đầu tư công trình nước ngoài.

Đầu tư cho xuất khẩu đem lại hiệu quả hơn cho thay thế nhập khẩu. Cần coi trọng phương thức gia công hàng xuất khẩu, bởi vì nó tạo việc làm và thu nhập, tạo khả năng sử dụng cơ sở hạ tầng và năng lực hiện có, tranh thủ được công nghệ kỹ thuật nước ngoài, có được thị trường, nắm được thị hiếu của người tiêu dùng nước ngoài, tăng thu nhập ngoại tệ... mà không phải đầu tư nhiều như những trường hợp khác.

Tuy nhiên cần phải thấy rằng nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng. Hơn nữa, vốn trong nước tương đương thì mới hấp thu, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn nước ngoài, tạo ra nhiều việc làm, củng cố khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới...

Cần tham gia vào phân công lao động quốc tế, có thể tạm thời chấp nhận công nghệ vừa, công nghệ lắp ráp giúp sử dụng lao động nhiều hơn.

* Thực hiện chủ trương mở rộng và đẩy mạnh xuất khẩu lao động với cơ chế linh hoạt, làm tăng giá trị sức lao động, phát huy vai trò vốn nhân lực của sức lao động, thu ngoại tệ cho đất nước, tăng thu nhập cho người lao động. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 Khóa VIII Đảng CSVN đã khẳng định: Mở rộng xuất khẩu lao động trên thị trường đã có và thị trường mới. Cho phép các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu và làm dịch vụ xuất khẩu lao động trong khuôn khổ pháp luật dưới sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước.

Xuất khẩu lao động cần đạt được cả mục tiêu kinh tế lẫn mục tiêu xã hội. Sức lao động xuất khẩu gắn liền với yếu tố con người và xã hội. Vì vậy, phải quan tâm đến cả mục tiêu xã hội ngay từ đầu và suốt quá trình thực hiện xuất khẩu sức lao động.

Đây là giải pháp tất yếu, chiếm vị trí quan trọng trong chiến lược quốc gia về giải quyết việc làm. Nó là tất yếu bởi vì tiền lương và trình độ của người lao động giữa các quốc gia có sự chênh lệch khá xa. Tiền lương của công nhân Việt Nam chỉ khoảng 1/10 so với tiền lương công nhân nước ngoài và luôn tụt hậu xa hơn so với giá cả. Theo ILO, Việt Nam cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực, một thế mạnh của VN do công nhân có trình độ kỹ thuật cao, tiếp thu nhanh, tay nghề khéo và vững để hướng tới xuất khẩu sức lao động. Khi thị

trường sức lao động thông suốt với thế giới, khả năng xuất khẩu lao động làm tăng ý nghĩa của vốn nhân lực, phát huy lợi thế kinh tế của nước ta. Đây là một chủ trương có lợi, là phương hướng rất có ý nghĩa kinh tế, nhưng cần nghiên cứu thị trường để đảm bảo lợi ích của người lao động và của nhà nước, trước mắt sẽ có nhiều khó khăn vì tình hình khủng hoảng tài chính hiện nay sẽ đưa đến cuộc chạy đua tìm việc làm từ châu Á.

Cần sửa đổi những qui định không còn phù hợp để tạo sự thông thoáng cho người lao động và doanh nghiệp làm xuất nhập khẩu lao động. Cần giảm bớt những thủ tục hành chính nhân sự và xuất nhập cảnh rườm rà. Cần chọn và cho phép một số doanh nghiệp đoàn thể và tư nhân tham gia xuất khẩu lao động hoặc làm dịch vụ xuất khẩu lao động. Cần phải hoàn thiện cơ chế quản lý lao động xuất khẩu và các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu lao động.

4. *Cần áp dụng phương thức chia sẻ việc làm bằng cách tăng cường sử dụng lao động bán thời gian, giảm thời gian lao động, giảm giờ làm việc trên cơ sở đảm bảo năng suất lao động cao.*

Rút ngắn thời gian lao động một cách linh hoạt, tiền lương sẽ tương ứng với thời gian lao động, nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu, để người lao động có việc làm thường xuyên. Giải pháp này là sự chấp nhận dạng thất nghiệp vô hình, nhưng nó vừa tăng cầu sức lao động, vừa góp phần cải thiện nguồn cung sức lao động. Giờ làm việc ít hơn giúp người lao động có điều kiện tái tạo sức lao động, có thời gian để học tập nâng cao trình độ tay nghề.

Đây là giải pháp cần phải tính đến nhằm khắc phục thất nghiệp cơ cấu vì trên thực tế việc làm được tạo ra từ các ngành kinh tế là có hạn, hơn nữa xu hướng cơ khí hóa, cơ giới hóa và tự động hóa làm giảm sử dụng nhân lực là phổ biến và ngày càng gia tăng. Xu hướng của người lao động ở các nước phát triển: làm ít giờ, lương ít nhưng thoải mái hơn, năng suất lao động cao hơn, sức khỏe đảm bảo hơn. Giải pháp này thích hợp cho các nước phát triển, nhưng Việt Nam cũng cần phải áp dụng.

Giảm giờ làm việc đầu chỉ có lợi cho người lao động. Sức khỏe của người lao động được cải thiện, năng suất lao động tăng lên thì có lợi cho doanh nghiệp. Người lao động thật sự có trách nhiệm với công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, họ nỗ lực làm việc trọn 8 giờ vàng ngọc mỗi ngày của mình, không có hiện tượng ăn cắp giờ công. Công nhân được nghỉ thêm một ngày, phía chủ giảm được chi phí đưa đón, chi phí ăn uống...

Thực hiện giải pháp khuyến khích về hưu sớm, giảm tuổi nghỉ hưu, không nhất thiết phải đủ tuổi đời, đặc biệt ưu tiên cho lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm.

5. *Các giải pháp nâng cao chất lượng sức lao động, đào tạo tay nghề cho người lao động cũng góp phần mang lại việc làm cho người lao động một cách chắc chắn.*

Tình hình thị trường sức lao động ở Việt Nam là: dư thừa lao động phổ thông chưa qua đào tạo và khan hiếm lao động có chất lượng cao. Thực trạng dư thừa sức lao động, giá cả sức lao động thấp là lợi điểm trước mắt giúp thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo ra việc làm cho người lao động. Nhưng điều quan trọng là phải nâng cao chất lượng sức lao động.

Trước mắt cũng như lâu dài cần đầu tư cho giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng sức lao động, trình độ tay nghề của người lao động, đồng thời với quá trình đổi mới công nghệ, giảm tỷ lệ lao động giản đơn, giảm bớt nạn thất nghiệp cơ cấu, làm cho lợi thế sức lao động nước ta được khẳng định theo hướng tích cực, thực hiện sự phân công lại lao động xã hội phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Xu hướng chung hiện nay của các nhà sản xuất là sử dụng lao động ít hơn nhưng lành nghề hơn, tương ứng với công nghệ thiết bị hiện đại. Điều mà các nhà quản lý kinh tế quan tâm hiện nay không phải là số lượng giờ lao động mà là chất lượng của nó nhất là trong thời đại cơ khí hóa và tự động hóa.

Nhà nước cần phải có chiến lược đào tạo nhân lực trước hoặc song song với quá trình phát triển kinh tế, để nâng cao chất lượng sức lao động trước yêu cầu di chuyển sức lao động từ các ngành truyền thống sang các ngành mới có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Trên đây là những giải pháp kiến nghị để tạo việc làm, giải quyết tình trạng thất nghiệp - vấn đề nan giải hiện nay ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Từ đó sẽ mở ra triển vọng gia tăng thu nhập, cải thiện sức mua xã hội, phát triển sản xuất và đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội.

Trong các giải pháp nêu trên thì giải pháp khuyến khích đầu tư, tăng cầu sức lao động là giải pháp trước mắt, còn giải pháp cải thiện chất lượng sức lao động là về lâu về dài, nhưng thực hiện càng sớm càng tốt. Tốt nhất là thực hiện các giải pháp một cách tổng hợp và luôn phải xem xét hiệu quả kinh tế một cách toàn diện ■